

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CAI LẬY,  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 07-8-2020

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thành Ngoan.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Huỳnh Văn Thanh.

- Ông Nguyễn Văn Bạch.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Luận- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 07 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 174/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1978 (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp 1, xã TL, huyện CL, tỉnh TG.

- *Bị đơn:* Anh Lê Hoàng V, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp 1, xã TL, huyện CL, tỉnh TG.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 10/3/2020, ý kiến tại phiên hòa giải ngày 23/6/2020, nguyên đơn Chị Nguyễn Thị L trình bày:* Chị và Anh Lê Hoàng V kết hôn vào năm 1997, đến năm 2004 đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống chung hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng đã tự sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Chị yêu cầu được ly hôn với anh V.

Con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Thanh L, sinh ngày 28/4/1998 và Nguyễn Thị Linh Đ, sinh ngày 03/7/2006 hiện sống chung với anh V. Khi ly hôn, chị đồng ý giao Nguyễn Thị Linh Đ cho anh V nuôi dưỡng, chị không cấp

dưỡng nuôi con; Đối với Nguyễn Thị Thanh L hiện đã trưởng thành, lao động được nên không yêu cầu giải quyết.

Tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: không có.

*Tại bản tự khai ngày 03/6/2020, ý kiến tại phiên hòa giải ngày 23/6/2020, bị đơn Anh Lê Hoàng V trình bày:* Về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung như chị L trình bày là đúng. Anh thừa nhận bản thân trước đây ít quan tâm, chăm sóc vợ, anh đã biết bản thân mình sai nên hứa sửa đổi để vợ chồng được đoàn tụ và không đồng ý ly hôn. Trường hợp Tòa án cho ly hôn, anh đồng ý nuôi con chung tên Nguyễn Thị Linh Đ, sinh ngày 03/7/2006, không yêu cầu chị L cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn Chị Nguyễn Thị L có đơn yêu cầu xét xử vụ án vắng mặt; Bị đơn Anh Lê Hoàng V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 để xét xử nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt chị L và anh V.

[2] Nguyên đơn Chị Nguyễn Thị L khởi kiện ly hôn bị đơn Anh Lê Hoàng V, anh V có địa chỉ cư trú tại ấp 1, xã TL, huyện CL, tỉnh TG. Căn cứ quy định tại các Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và Anh Lê Hoàng V kết hôn với nhau vào năm 1997, đến năm 2004 đi đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Thạnh Lộc, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 62, quyển số 01, ngày 12/7/2004 nên là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, xét thấy quan hệ hôn nhân giữa anh chị đã thật sự đổ vỡ, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ. Bởi lẽ, theo anh chị trình bày: sau khi kết hôn vợ chồng sống chung hạnh phúc chỉ được thời gian đầu, đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn và tự sống ly thân đến nay, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã, không quan tâm nhau. Ngày 13/5/2019 chị L đã nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh V, nhưng sau đó chị L đã rút đơn khởi kiện

lại để vợ chồng có cơ hội đoàn tụ nhưng vẫn không đoàn tụ được. Mặc dù, đã được Tòa án động viên, phân tích hòa giải nhưng chị L khẳng định không còn tình cảm với anh V nữa nên cương quyết xin được ly hôn chứ không đoàn tụ, còn bản thân anh V tuy không đồng ý ly hôn với chị L nhưng anh không đưa ra được biện pháp nào thiết thực để vợ chồng đoàn tụ. Từ đó cho thấy hôn nhân giữa chị L và anh V đã thật sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận cho chị L và anh V là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị L và anh V có 02 con chung tên Nguyễn Thị Thanh L, sinh ngày 28/4/1998 và Nguyễn Thị Linh Đ, sinh ngày 03/7/2006 hiện sống chung với anh V. Khi ly hôn, chị L và anh V thỏa thuận giao cháu Nguyễn Thị Linh Đ cho anh V nuôi dưỡng, chị L không phải cấp dưỡng nuôi con, xét thấy phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận; Đối với con chung tên Nguyễn Thị Thanh L hiện đã trưởng thành, lao động được nên không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị L và anh V không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị L và anh V trình bày không có nên không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí sơ thẩm: Chị L là nguyên đơn khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

### **Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Nguyễn Thị L. Cho Chị Nguyễn Thị L được ly hôn Anh Lê Hoàng V.

2. Về con: Giao con chung tên Nguyễn Thị Linh Đ, sinh ngày 03/7/2006 cho Anh Lê Hoàng V nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị L được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005283 ngày 11/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy xem như thi hành xong.

4. *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- CC THADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã Thạnh Lộc, CL, TG
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thành Ngoan**

**BIÊN BẢN NGHỊ ÁN**

Vào hồi..... giờ.....phút, ngày 07 tháng 8 năm 2020

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Ngoan

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Huỳnh Văn Thanh

- Ông Nguyễn Văn Bạch

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 174/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2020 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1978 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp 1, xã TL, huyện CL, tỉnh TG.

- *Bị đơn*: Anh Lê Hoàng V, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp 1, xã TL, huyện CL, tỉnh TG.

*Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật<sup>(8)</sup>.*

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH  
CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU<sup>(9)</sup>**

Áp dụng Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

**Tuyên xử:**

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Nguyễn Thị L. Cho Chị Nguyễn Thị L được ly hôn Anh Lê Hoàng V.

2. *Về con*: Giao con chung tên Nguyễn Thị Linh Đ, sinh ngày 03/7/2006 cho Anh Lê Hoàng V nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị L được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số

0005283 ngày 11/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy xem như thi hành xong.

4. *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Kết quả biểu quyết: 3/3 (100%)

Nghị án kết thúc vào hồi..... giờ..... phút, ngày 07 tháng 8 năm 2020

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

	<b>Thành viên Hội đồng xét xử<sup>(10)</sup></b>	<b>Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa</b>

Huỳnh Văn Thanh

Nguyễn Văn Bạch

Nguyễn Thành Ngoan

